



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬT TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬT TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 – 04
Báo cáo kết quả công tác soát xét	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được soát xét	07 – 41
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>07 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>14 – 41</i>

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trung Đô, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng số 6, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703000803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu tiên ngày 22 tháng 02 năm 2006. Ngày 08 tháng 05 năm 2008, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đổi tên thành Công ty Cổ phần Trung Đô

Trong quá trình hoạt động Công ty đã (10) mười lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 2900324272 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 02 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10: 150.000.000.000 VND*

*Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2018: 150.000.000.000 VND*

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	30.220.320.000	20,15%
Công ty TNHH Vĩ Năng	28.680.000.000	19,12%
Công ty TNHH Bảo Tiến – Cao Minh	14.340.000.000	9,56%
Công ty TNHH Trang Anh	14.347.600.000	9,57%
Ông Nguyễn Hồng Sơn	21.483.150.000	14,32%
Các Cổ đông khác	40.928.930.000	27,29%
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
Điện thoại : 038 3844 410  
Fax : 038 3830 431  
Mã số thuế : 2 9 0 0 3 2 4 2 7 2

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Hoan	Thành Viên
Ông Phạm Hải Linh	Thành Viên
Ông Nguyễn Duy Hiền	Thành Viên
Ông Trần Văn Hoàn	Thành Viên

***Ban kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Trưởng Ban
Ông Trần Duy Lý	Ủy viên
Ông Trần Quốc Hùng	Ủy viên

***Ban Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hoan	Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thăng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2018)
Ông Cao Sơn Đầu	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Hoàn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hiền	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 19 tháng 03 năm 2018)

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Nghệ An, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Bá Hoan



Kết nối - Phát triển

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 0208.01.01/BCTC-NVT2  
Ngày : 27 tháng 8 năm 2018

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT** **VỀ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Kính gửi : **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Trung Đồ, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2018 từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Trung Đồ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21, ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Theo mô hình tổ chức và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi Cổ phần hóa được Bộ Xây dựng phê duyệt tại quyết định số 2348/QĐ-BXD ngày 22/12/2005 về việc chuyển Công ty Xây dựng số 6 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội thành Công ty Cổ phần thì một số Xí nghiệp trực thuộc của Công ty Xây dựng số 6 sẽ giải thể, chấm dứt hoạt động. Công ty Cổ phần Trung Đô chính thức hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 2703000803 ngày 22/02/2006. Tuy nhiên, số liệu của các Xí nghiệp đã không còn hoạt động vẫn được phản ánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp từ thời điểm Công ty chuyển sang Cổ phần hóa đến nay. Các khoản phải thu ở các Xí nghiệp giải thể chưa được xử lý đang được theo dõi ở chi tiêu các khoản phải thu ngắn hạn khác (chi tiết xem thuyết minh số V.6a). Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi các khoản công nợ này tại thời điểm 30.06.2018. Nếu khoản dự phòng được trích lập thì Lợi nhuận trước thuế trong 6 tháng đầu của năm 2018 sẽ giảm số tiền là 4.932.468.140 đồng.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Trung đô tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



*[Handwritten signature in blue ink]*

**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNT số: 1690-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>508.252.550.321</b>	<b>567.802.141.629</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	18.079.267.397	77.407.138.836
111	1. Tiền		18.079.267.397	77.407.138.836
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	1.000.000.000	500.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		7.131.250.000	6.631.250.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.131.250.000)	(6.131.250.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		147.551.235.810	163.789.495.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	104.515.289.374	121.286.520.974
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	26.253.321.820	31.461.768.563
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	1.800.000.000	1.800.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	32.232.905.530	26.641.606.811
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(17.250.280.914)	(17.400.401.348)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	333.795.444.919	320.834.738.767
141	1. Hàng tồn kho		334.328.711.388	321.368.005.236
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(533.266.469)	(533.266.469)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.826.602.195	5.270.769.026
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	3.175.465.995	4.203.815.010
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.317.881.597	968.541.824
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		333.254.603	98.412.192
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>297.387.537.970</b>	<b>270.977.629.490</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>473.497.341</b>	<b>473.497.341</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.6b	473.497.341	473.497.341
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>112.634.133.570</b>	<b>110.820.616.058</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	112.309.133.570	110.470.616.058
222	- Nguyên giá		470.352.643.724	452.798.093.178
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(358.043.510.154)	(342.327.477.120)
224	4. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	325.000.000	350.000.000
228	- Nguyên giá		1.000.000.000	1.000.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(675.000.000)	(650.000.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>182.710.790.714</b>	<b>157.295.715.209</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.12	70.738.119.428	70.693.887.543
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	111.972.671.286	86.601.827.666
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.569.116.345</b>	<b>2.387.800.881</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	1.569.116.345	2.387.800.881
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>805.640.088.291</b>	<b>838.779.771.118</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>424.203.776.582</b>	<b>476.272.412.081</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>373.661.139.828</b>	<b>420.136.811.677</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	85.778.819.183	95.342.681.881
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	83.545.957.522	92.775.329.531
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	7.122.202.539	5.006.993.589
314	4. Phải trả người lao động		10.125.467.091	22.264.870.456
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		135.000	-
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	25.091.308.671	11.701.006.491
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	36.743.572.310	32.751.643.542
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	121.550.478.198	158.787.898.267
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.703.199.314	1.506.387.920
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>50.542.636.754</b>	<b>56.135.600.404</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.18b	32.342.636.754	31.285.506.654
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	-	6.650.093.750
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		18.200.000.000	18.200.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>381.436.311.709</b>	<b>362.507.359.037</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	<b>381.436.311.709</b>	<b>362.507.359.037</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.403.520.000	40.403.520.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		151.027.263.584	114.415.871.242
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.005.528.125	57.687.967.795
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		18.136.137.746	252.684.059
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		21.869.390.379	57.435.283.736
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>805.640.088.291</b>	<b>838.779.771.118</b>

Người lập biểu



Đoàn Quang Lê

Kế toán trưởng



Đoàn Quang Lê

Lập ngày 27 tháng 08 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Bá Hoan

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	246.459.881.044	260.689.312.175
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	892.346.137	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		245.567.534.907	260.689.312.175
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	197.535.901.019	191.498.286.768
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		48.031.633.888	69.191.025.407
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	8.013.882	10.132.432
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	3.648.756.874	2.487.448.313
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.648.756.874	2.487.448.313
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	11.686.859.416	10.104.677.354
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	6.877.974.761	4.543.240.685
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.826.056.719	52.065.791.487
31	11. Thu nhập khác	VI.8	1.563.653.556	909.650.440
32	12. Chi phí khác	VI.9	3.000.000	5.981.000
40	13. Lợi nhuận khác		1.560.653.556	903.669.440
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.386.710.275	52.969.460.927
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	5.517.319.896	10.657.856.731
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.869.390.379	42.311.604.196
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	1.422	4.453

Lập ngày 27 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Quang Lê

Đoàn Quang Lê

Nguyễn Bá Hoan

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		279.368.890.144	274.316.966.386
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(229.305.404.364)	(229.671.310.283)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(36.108.652.829)	(35.541.271.362)
04	Tiền lãi vay đã trả		(3.648.756.874)	(1.325.443.222)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.602.000.000)	(15.791.161.591)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.566.038.060	39.575.102.802
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.220.919.388)	(57.296.902.124)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(8.950.805.251)</b>	<b>(25.734.019.394)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.497.566.251)	(403.358.136)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.013.882	8.311.697
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(6.489.552.369)</b>	<b>(395.046.439)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền thu từ đi vay		154.273.856.626	120.644.576.837
34	Tiền trả nợ gốc vay		(198.161.370.445)	(80.157.947.187)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(43.887.513.819)</b>	<b>40.486.629.650</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(59.327.871.439)</b>	<b>14.357.563.817</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	77.407.138.836	9.738.844.990
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>V.1</b>	<b>18.079.267.397</b>	<b>24.096.408.807</b>

Lập ngày 27 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Quang Lê

Đoàn Quang Lê

Nguyễn Bá Hoan

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hệ thống cấp và thoát nước, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và nông thôn, hệ thống điện chiếu sáng; Xây dựng đê, kè, cảng biển; Xây dựng công trình công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp.
  - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý hóa của đất, đá, nước, than, vật liệu xây dựng; Dịch vụ kiểm định chất lượng các công trình xây dựng; Chứng nhận sự an toàn chịu lực công trình và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng.
  - Xây dựng nhà các loại.
  - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
  - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Phòng chống mối, mọt, côn trùng cho các công trình xây dựng, dẽ đập, cây xanh; Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng.
  - Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng (nhà ở và công trình công nghiệp), công nghiệp (nhà xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, nhà kho, công trình kỹ thuật phụ thuộc), nông nghiệp (trại chăn nuôi, trạm chế biến nông sản, trạm kho nông nghiệp); Tư vấn khảo sát địa chất công trình.
  - Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn lập dự án đầu tư, đấu thầu, quản lý dự án các công trình xây dựng; Quản lý nhà chung cư.
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng (nhà ở và công trình công cộng), công nghiệp ( nhà xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, nhà kho, công trình kỹ thuật phụ thuộc), nông nghiệp (trại chăn nuôi, trạm chế biến nông sản, trạm kho nông nghiệp); Tư vấn khảo sát địa chất công trình; Tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
  - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: Sản xuất bê tông thương phẩm, các cấu kiện bê tông đúc sẵn, gạch không nung và vật liệu xây dựng khác.
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà ở, khách sạn, siêu thị.
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sửa chữa máy móc thiết bị.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Lắp đặt máy móc, dây chuyền sản xuất; Vận hành nhà máy, thiết bị vệ sinh môi trường, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Phá dỡ.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình công ích.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Trang trí nội, ngoại thất công trình.
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Cho thuê kho bãi, lưu trữ các loại hàng hóa và phương tiện.
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê các loại xe máy, cầu tháp, cầu tự hành, xe nâng.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu ích khác: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất gạch ốp lát Granite, ngói gốm sứ, gạch ngói tuynel các loại.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá hoạt động bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Tư vấn, môi giới, định giá, quảng cáo bất động sản và quản lý bất động sản.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép, kim loại khác.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Hoạt động của hệ thống phân phối, bán điện./.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2017 và BCTC tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### **6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

<b>Các đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Trung Đô - Trung tâm Tư vấn Xây dựng Trung Đô	Số 231, đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	Xóm 12, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	Khối 10, thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
Xí nghiệp Trung Đô 1	Số 15, đường Cù Chính Lan, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Nhà máy Granite Trung Đô	Đường Đặng Thai Mai, KCN Bắc Vinh, Xóm Vinh Xuân, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Xí nghiệp Trung Đô Hồng Lĩnh	Khối 11, phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
Chi nhánh nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Trung Đô	Thửa đất số 538, tờ bản đồ số 13, thôn Xuân Sơn, Xã Bắc Sơn, Huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **2. Nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trưng Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Giá trị thương hiệu*

Là giá trị thương hiệu của Công ty được xác định theo biên bản thẩm định xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2004 đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt ngày 20 tháng 9 năm 2005. Công ty trích khấu hao giá trị thương hiệu với thời gian khấu hao là 20 năm.

##### c) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

BCC được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### *Các quỹ khác*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### *a) Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

#### *c) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### 18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### 20. Công cụ tài chính

##### ii. Tài sản tài chính

###### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### iii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*iv. Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.032.508.918	2.816.823.693
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.046.758.479	74.590.315.143
<b>Cộng</b>	<b>18.079.267.397</b>	<b>77.407.138.836</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>	<b>6.131.250.000</b>	<b>(6.131.250.000)</b>	<b>6.131.250.000</b>	<b>(6.131.250.000)</b>
Công ty cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội (a)	6.131.250.000	(6.131.250.000)	6.131.250.000	(6.131.250.000)
<b>Trái phiếu</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>
Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (b)	1.000.000.000	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.131.250.000</b>	<b>(6.131.250.000)</b>	<b>6.631.250.000</b>	<b>(6.131.250.000)</b>

- a) Bao gồm 408.750 cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội, mệnh giá 15.000 VND/Cổ phần. Tại thời điểm 30/6/2018, khoản đầu tư trên đã được trích lập dự phòng 100% do Công ty đánh giá không có khả năng thu hồi.
- b) Bao gồm 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, 50 trái phiếu được phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2017, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu với thời hạn 10 năm, lãi suất thả nổi, 50 trái phiếu còn lại được phát hành ngày 29 tháng 06 năm 2018, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu với thời hạn 10 năm, lãi suất thả nổi.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng Văn phòng Công ty	11.753.184.897	12.430.468.596
Khách hàng Nhà máy Granite Trung Đô	38.268.851.226	46.689.767.121
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	37.351.419.241	41.435.183.743
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	7.580.147.438	9.564.062.938
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hồng Lĩnh	3.408.296.993	3.977.516.993
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô 1	6.083.064.796	7.171.419.120
Khách hàng Trung tâm Tư vấn Xây dựng Trung Đô	28.062.463	18.102.463
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	42.262.320	-
<b>Cộng</b>	<b>104.515.289.374</b>	<b>121.286.520.974</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng Văn phòng Công ty	21.336.398.030	27.038.703.924
Khách hàng Nhà máy Granite Trung Đô	3.795.069.115	3.800.251.286
Khách hàng Xi nghiệp Trung Đô Nam Giang	216.193.143	112.301.409
Khách hàng Xi nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	52.192.225	46.314.000
Khách hàng Xi nghiệp Trung Đô Hồng Lĩnh	23.133.759	23.133.759
Khách hàng Xi nghiệp Trung Đô 1	558.210.415	176.064.185
Khách hàng Trung tâm Tư vấn Xây dựng Trung Đô	265.000.000	265.000.000
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	7.125.133	-
<b>Cộng</b>	<b>26.253.321.820</b>	<b>31.461.768.563</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội vay đã quá hạn thanh toán. Đến thời điểm 30/6/2018, Công ty đã trích lập dự phòng 100% với khoản cho vay trên do đánh giá không có khả năng thu hồi, đồng thời cũng không tính lãi cho vay phải thu trong năm.

#### 6. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>32.232.905.530</b>	<b>-</b>	<b>26.641.606.811</b>	<b>-</b>
Phải thu tạm ứng	11.597.101.571	-	6.448.722.646	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	292.250.126	-
Bảo hiểm y tế	41.102.655	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	18.267.849	-	-	-
Phải thu các xí nghiệp đã giải thể - tạm ngừng hoạt động	4.932.368.140	-	4.932.468.140	-
- Xí nghiệp xây dựng số 1	378.486.413	-	378.486.413	-
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng	15.487.000	-	15.487.000	-
- Xí nghiệp xây dựng số 8 - Công ty 6	988.408.947	-	988.408.947	-
- Xí nghiệp xây dựng số 2	1.838.511.294	-	1.838.511.294	-
- Xí nghiệp xây dựng số 3	48.485.337	-	48.485.337	-
- Xí nghiệp xây dựng số 4	297.861.583	-	297.861.583	-
- Xí nghiệp Xây dựng số 5	601.719.620	-	601.719.620	-
- Xí nghiệp Xây dựng số 6	-	-	100.000	-
- Xí nghiệp xây dựng và vật tư	32.769.754	-	32.769.754	-
- Xí nghiệp Trung Đô 7	730.638.192	-	730.638.192	-
Tạm kê khai thuế dự án Nguyễn Sỹ Sách	7.058.276.638	-	7.058.276.638	-
Các khoản phải thu khác	8.585.788.677	-	7.909.889.261	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>473.497.341</b>	<b>-</b>	<b>473.497.341</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	473.497.341	-	473.497.341	-
<b>Cộng</b>	<b>32.706.402.871</b>	<b>-</b>	<b>27.115.104.152</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Văn phòng Công ty	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
Nhà máy Granite Trung Đô	6.755.308.213	(6.755.308.213)	6.755.308.213	(6.755.308.213)
Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	5.502.984.613	(4.358.694.637)	5.502.984.613	(4.508.815.071)
Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	1.854.510.347	(1.287.707.322)	1.854.510.347	(1.287.707.322)
Xí nghiệp Trung Đô Hồng Lĩnh	2.489.740.565	(2.390.004.692)	2.489.740.565	(2.390.004.692)
Xí nghiệp Trung Đô I	658.566.050	(658.566.050)	658.566.050	(658.566.050)
<b>Cộng</b>	<b>19.061.109.788</b>	<b>(17.250.280.914)</b>	<b>19.061.109.788</b>	<b>(17.400.401.348)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.091.300.807	-	58.861.529.022	-
Công cụ, dụng cụ	39.687.056	-	408.370.054	-
Chi phí SXKD dở dang	218.624.487.881	-	191.664.137.675	-
Thành phẩm	60.546.631.271	(533.266.469)	70.414.492.112	(533.266.469)
Hàng hoá	26.604.373	-	19.476.373	-
<b>Cộng</b>	<b>334.328.711.388</b>	<b>(533.266.469)</b>	<b>321.368.005.236</b>	<b>(533.266.469)</b>

**9. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.175.465.995	4.203.815.010
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.175.465.995	4.203.815.010
b) Dài hạn	1.569.116.345	2.387.800.881
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.569.116.345	2.387.800.881
<b>Cộng</b>	<b>4.744.582.339</b>	<b>6.591.615.891</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	88.427.794.475	301.959.917.494	61.886.097.800	224.369.109	299.914.300	452.798.093.178
- Tăng do mua sắm mới	-	221.000.000	17.683.550.546	-	-	17.904.550.546
- Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(350.000.000)	-	-	(350.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>88.427.794.475</b>	<b>302.180.917.494</b>	<b>79.219.648.346</b>	<b>224.369.109</b>	<b>299.914.300</b>	<b>470.352.643.724</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	47.418.463.501	256.241.608.044	38.246.737.670	151.743.811	268.924.094	342.327.477.120
- Tăng do khấu hao trong năm	1.426.470.136	9.067.452.603	5.563.616.084	8.494.212	-	16.066.033.034
- Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(350.000.000)	-	-	(350.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>48.844.933.636</b>	<b>265.309.060.647</b>	<b>43.460.353.754</b>	<b>160.238.023</b>	<b>268.924.094</b>	<b>358.043.510.154</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	41.009.330.974	45.718.309.450	23.639.360.130	72.625.298	30.990.206	110.470.616.058
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>39.582.860.839</b>	<b>36.871.856.848</b>	<b>35.759.294.592</b>	<b>64.131.086</b>	<b>30.990.206</b>	<b>112.309.133.570</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần Trung Đô theo biên bản thẩm định xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2004 đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt ngày 20 tháng 9 năm 2005. Công ty trích khấu hao giá trị thương hiệu với thời gian khấu hao là 20 năm. Chi tiết tăng giảm khấu hao trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.000.000.000	650.000.000	350.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	25.000.000	(25.000.000)
Số cuối kỳ	<b>1.000.000.000</b>	<b>625.000.000</b>	<b>325.000.000</b>

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Là chi phí xây dựng tại Dự án thành phần N03-T6 Khu Ngoại giao đoàn tại Hà Nội.

Căn cứ pháp lý của dự án: Hợp đồng chuyển nhượng quyền phát triển dự án thành phần N03 - T6 Khu Ngoại giao đoàn tại Hà Nội số 2032/ HANCORP.-TĐ ngày 30 tháng 12 năm 2011 do Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Trung Đô, Hợp đồng hợp tác liên danh số 01/2010/HĐHT ngày 24 tháng 01 năm 2010 với Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp để đầu tư thứ phát xây dựng nhà cao tầng trên ô đất có ký hiệu N03-T6 thuộc dự án khu ngoại giao đoàn do Tổng Công ty Xây dựng làm chủ đầu tư. Tổng Giá trị Hợp đồng: 72.811.125.000 VND (47.745.000 x 1.525 m<sup>2</sup>). Theo quyết định số 312/QĐ-HDQT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội thì Công ty Cổ phần Trung Đô đầu tư 55% vốn, Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị và Khu công nghiệp đầu tư 45% vốn, số tầng xây dựng: 21 tầng, diện tích xây dựng 1.525 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng 32.025 m<sup>2</sup>, diện tích sàn sử dụng (phần nhà ở) 20.588 m<sup>2</sup>, diện tích sàn sử dụng (phần dịch vụ công cộng) 4.575 m<sup>2</sup>.

Ngày 11 tháng 8 năm 2016, thỏa thuận 3 bên số 01/2016/TTBB đã thống nhất chuyển giao quyền và nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên của Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu Công nghiệp sang cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Bình. Tên liên danh được đổi thành "LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN AN BÌNH", tỷ lệ góp vốn được giữ nguyên trước khi thay đổi liên danh.

#### 13. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	5.984.804.635	3.861.660.818
Xây dựng cơ bản dở dang	105.987.866.651	82.740.166.848
- Trạm trộn bê tông Nam Giang công suất	1.208.105.107	1.208.105.107
- Móng trạm trộn bê tông 100m <sup>3</sup> tại XN Trung Đô Nam Giang	827.004.545	827.004.545
- Cài tạo tự động trạm THK	1.212.750.000	1.212.750.000
- Hệ thống đốt than bột năm 2016 tại NM Granite	6.630.753.000	6.450.753.000
- Nhà giới thiệu sản phẩm tại TP Hồ Chí Minh	9.796.782.820	9.796.782.820
- Dự án NM gạch tuynel đất đỏ Hà Tĩnh (*)	75.342.162.912	53.177.437.363
- Dự án NM gạch Trung Đô Nghi Văn (**)	8.627.163.778	2.686.584.800
- Công trình khác	2.343.144.489	7.380.749.213
<b>Cộng</b>	<b>111.972.671.286</b>	<b>86.601.827.666</b>

(\*) Ngày 24/01/2017, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có Quyết định số 352/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà máy gạch Tuynel đất đỏ Trung đô Hà Tĩnh tại xã Bắc Sơn, huyện Thạch Hà. Tổng mức đầu tư dự kiến của dự án: 157.742.000.000 đồng bằng nguồn vốn tự có của của nhà đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

(\*\*) Ngày 13/2/2018, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định số 656/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu liên hợp sản xuất VLXD Trung Đô tại xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc. Tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 1.025 tỷ đồng, trong đó vốn tự có của Công ty chiếm 24,5% tổng mức đầu tư.

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.046.118.750</b>	<b>1.046.118.750</b>	<b>4.538.062.500</b>	<b>4.538.062.500</b>
Tổng công ty xây dựng Hà Nội - Phải trả tiền dự án N03-T6	1.046.118.750	1.046.118.750	4.538.062.500	4.538.062.500
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>84.732.700.433</b>	<b>84.732.700.433</b>	<b>90.804.619.381</b>	<b>90.804.619.381</b>
Khách hàng Văn phòng Công ty	10.897.788.205	10.897.788.205	12.544.825.649	12.544.825.649
Khách hàng Nhà máy Granite Trung Đô	27.129.816.512	27.129.816.512	31.125.278.553	31.125.278.553
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	18.758.398.483	18.758.398.483	20.685.078.124	20.685.078.124
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	13.866.526.415	13.866.526.415	14.993.880.754	14.993.880.754
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hồng Lĩnh	1.913.021.238	1.913.021.238	2.130.346.049	2.130.346.049
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô I	8.384.685.356	8.384.685.356	9.325.210.252	9.325.210.252
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	3.782.464.224	3.782.464.224	-	-
<b>Cộng</b>	<b>85.778.819.183</b>	<b>85.778.819.183</b>	<b>95.342.681.881</b>	<b>95.342.681.881</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng Văn phòng Công ty (*)	78.879.311.846	88.122.094.335
Khách hàng Nhà máy Granite Trung Đô	1.286.410.838	1.592.261.749
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	2.181.729.809	1.962.496.600
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	264.525.464	71.243.600
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hồng Lĩnh	108.414.989	134.718.099
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô I	116.359.000	49.100.000
Khách hàng Trung tâm Tư vấn Xây dựng Trung Đô	709.205.576	843.415.148
<b>Cộng</b>	<b>83.545.957.522</b>	<b>92.775.329.531</b>

(\*) Trong đó khoản ứng trước của các khách hàng tại dự án khu đô thị nam Nguyễn Sỹ Sách là 68.608.427.115 đồng.

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	3.427.441.452	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.061.604.899	4.146.285.003
Thuế thu nhập cá nhân	180.241.821	381.695.370
Thuế tài nguyên	92.689.110	118.506.210
Các loại thuế khác	360.225.257	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	360.507.006
	<b>7.122.202.539</b>	<b>5.006.993.589</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.10

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu chưa thực hiện của hoạt động bán và cho thuê Bất động sản tại Văn phòng Công ty Cổ phần Trung Đô.

#### 18. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>36.743.572.310</b>	<b>32.751.643.542</b>
<i>Phải trả bên liên quan là Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội</i>	<i>23.627.966.871</i>	<i>23.627.966.871</i>
Gốc vay phải trả	3.190.000.000	3.190.000.000
Lãi vay phải trả	6.961.641.471	6.961.641.471
Tiền cổ tức phải trả	13.476.325.400	13.476.325.400
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>13.115.605.439</i>	<i>9.123.676.671</i>
Kinh phí công đoàn	656.444.277	423.060.424
Bảo hiểm xã hội	361.405.836	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	749.473.517
Phí bảo trì chung cư phải trả	2.074.764.971	2.078.901.205
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.022.990.355	5.872.241.525
<b>b) Dài hạn</b>	<b>32.342.636.754</b>	<b>31.285.506.654</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản An Bình - góp vốn đầu tư dự án chung cư N03-T6 (*)	31.642.636.754	30.585.506.654
	<u><b>69.086.209.064</b></u>	<u><b>64.037.150.196</b></u>

(\*) Chi tiết xem Thuyết minh số V.12

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****19. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>158.787.898.267</b>	<b>158.787.898.267</b>	<b>154.273.856.626</b>	<b>191.511.276.695</b>	<b>121.550.478.198</b>	<b>121.550.478.198</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (1)	62.880.580.011	62.880.580.011	44.651.543.626	74.929.375.239	32.602.748.398	32.602.748.398
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VND (2)	80.317.562.456	80.317.562.456	109.622.313.000	101.503.468.456	88.436.407.000	88.436.407.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - VND	10.753.433.000	10.753.433.000	-	10.753.433.000	-	-
Đối tượng khác	511.322.800	511.322.800	-	-	511.322.800	511.322.800
Vay dài hạn đến hạn trả	4.325.000.000	4.325.000.000	-	4.325.000.000	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>6.650.093.750</b>	<b>6.650.093.750</b>	<b>-</b>	<b>6.650.093.750</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND	1.625.000.000	1.625.000.000	-	1.625.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - VND	5.025.093.750	5.025.093.750	-	5.025.093.750	-	-
<b>Cộng</b>	<b>165.437.992.017</b>	<b>165.437.992.017</b>	<b>154.273.856.626</b>	<b>198.161.370.445</b>	<b>121.550.478.198</b>	<b>121.550.478.198</b>

- 1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 77/HĐHM17/NAN.KHDN ngày 02 tháng 03 năm 2017, hạn mức vay 70.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp sau:
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327480 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 19/09/2003.
  - Tài sản gắn liền với đất của Công ty thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327478 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003, tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 06 tại phường Trung Đô, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An cấp theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số X327479 do UBND Tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003.
  - Máy móc thiết bị dây chuyền 02 nhà máy gạch granite Trung Đô là tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh.
  - Máy móc thiết bị dây chuyền ép than quá bằng thuộc quyền sở hữu của Bên vay là tài sản hình thành từ vốn vay của Bên cho vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes S500 theo hợp đồng bán hàng số 540/2014/HĐKT-KD ngày 15/11/2014 ký giữa Công ty Cổ phần Trung Đô và Công ty Cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh; là tài sản hình thành từ vốn vay.
  - 01 trạm trộn bê tông công suất 100-120m<sup>3</sup> do bên vay mua của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ T.A.P Việt Nam theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2014 ngày 12/11/2014, là tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Dây chuyền máy in gạch kỹ thuật số thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô là tài sản hình thành từ vốn vay.
- 2) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Vinh Theo hợp đồng hạn mức số 01/2017-HĐCVHM/NHCT442-TRUNGDO ngày 12/12/2017, hạn mức 100.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức cho vay từ ngày 12 tháng 12 năm 2017 đến hết ngày 12 tháng 12 năm 2018. Mục đích sử dụng khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng kể từ ngày rút vốn vay. Lãi suất cho vay trong Hợp đồng này là lãi suất cho vay thả nổi, được xác định và điều chỉnh theo các quy định của ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp sau:
- Hợp đồng số 02-2011 ngày 08/11/2011: tài sản thế chấp là máy móc, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
  - Hợp đồng số 01/2014 ngày 26/10/2013: tài sản thế chấp là máy móc thiết bị phục vụ sản xuất gạch tại nhà máy Granite Trung Đô, giá trị tài sản thế chấp là 8.475.000.000 VND.
  - Hợp đồng thế chấp số 02/2014 ngày 21/10/2014: tài sản thế chấp là Xe ô tô BKS 37A-111.74.
  - Hợp đồng thế chấp số 01/2017 ngày 11 tháng 12/2017: tài sản thế chấp toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Trung Đô.
  - Hợp đồng thế chấp số 02/2017 ngày 11 tháng 12/2017: tài sản thế chấp quyền đòi nợ của Công ty Cổ phần Trung Đô.
  - Hợp đồng thế chấp số 03/2017 ngày 11/12/2017: tài sản thế chấp là máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô, giá trị tài sản thế chấp là 7.254.000.000 VND.
  - Hợp đồng thế chấp số 04/2017 ngày 11/12/2017: tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô tải pickup BKS 37C-275.07 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
  - Hợp đồng thế chấp số 05/2017 ngày 11/12/2017: tài sản thế chấp là Xe ô tô tải pickup BKS 37C-259.74 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
  - Hợp đồng thế chấp số 06/2017 ngày 11/12/2017: tài sản thế chấp là Xe ô tô tải Fuso BKS 37C-250.42 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
  - Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển, hàng hóa hình thành từ vốn vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh của Công ty CP Trung Đô.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>92.632.400.000</b>	<b>28.930.000.000</b>	<b>67.769.770.783</b>	<b>62.352.528.911</b>	<b>251.684.699.694</b>
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	57.367.600.000	11.473.520.000	-	-	68.841.120.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	57.435.283.736	57.435.283.736
Trích lập các quỹ	-	-	46.646.100.459	(48.187.634.522)	(1.541.534.063)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.473.728.000)	(13.473.728.000)
Cổ tức, lợi nhuận của các cổ đông các năm trước chưa hạch toán	-	-	-	(363.222.488)	(363.222.488)
Giảm lợi nhuận của các xí nghiệp bị giải thể	-	-	-	(75.259.842)	(75.259.842)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>40.403.520.000</b>	<b>114.415.871.242</b>	<b>57.687.967.795</b>	<b>362.507.359.037</b>
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	21.869.390.379	21.869.390.379
Trích lập các quỹ (*)	-	-	36.611.392.342	(38.908.803.736)	(2.297.411.394)
Giảm khác	-	-	-	(643.026.313)	(643.026.313)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>40.403.520.000</b>	<b>151.027.263.584</b>	<b>40.005.528.125</b>	<b>381.436.311.709</b>

(\*) Trích lập các quỹ theo Biên bản họp đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 29 tháng 6 năm 2018, tổng số tiền 38.908.803.736 VND như sau:

+ Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi: 2,5% lợi nhuận sau thuế năm 2017 (tương đương 2.297.411.394 VND)

+ Trích quỹ Đầu tư phát triển: 36.611.392.342 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng công ty xây dựng Hà Nội	30.220.320.000	30.220.320.000
Công ty TNHH VI Năng	28.680.000.000	28.680.000.000
Công ty TNHH Bảo Tiến - Cao Minh	14.340.000.000	14.340.000.000
Công ty TNHH Trang Anh	14.347.600.000	14.347.600.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	21.483.150.000	21.483.150.000
Các cổ đông khác	40.928.930.000	40.928.930.000
	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	240.293.420.452	251.396.304.391
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.921.038.693	3.092.790.457
Doanh kinh doanh bất động sản đầu tư	3.245.421.899	6.200.217.327
	<b>246.459.881.044</b>	<b>260.689.312.175</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Hàng bán bị trả lại	892.346.137	-
	<b>892.346.137</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	195.166.084.904	167.457.811.007
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.769.866.035	22.980.429.701
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	599.950.080	1.060.046.060
	<b>197.535.901.019</b>	<b>191.498.286.768</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.013.882	10.132.432
	<b>8.013.882</b>	<b>10.132.432</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.648.756.874	2.487.448.313
	<b>3.648.756.874</b>	<b>2.487.448.313</b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	462.494.961	268.821.738
Chi phí nhân công	1.962.914.199	2.183.123.549
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	7.534.400	24.874.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	855.707.420	678.255.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.021.193.482	5.122.245.580
Chi phí khác bằng tiền	2.377.014.954	1.827.356.991
	<b>11.686.859.416</b>	<b>10.104.677.354</b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	99.055.000
Chi phí nhân công	2.664.857.128	2.012.812.528
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	160.609.118	112.581.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	697.941.317	760.598.036
Thuế, phí và lệ phí	646.369.982	14.211.605
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(150.120.434)	(338.097.466)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.439.278.669	1.794.139.946
Chi phí khác bằng tiền	419.038.981	87.939.174
	<b>6.877.974.761</b>	<b>4.543.240.685</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	36.363.636	-
Tiền hạ tầng ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An hoàn trả	1.417.125.698	-
Các khoản thu hỗ trợ tiền vận chuyển từ nhà cung cấp	70.924.222	791.599.400
Các khoản khác	39.240.000	118.051.040
	<b>1.563.653.556</b>	<b>909.650.440</b>

### 9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	3.000.000	5.981.000
	<b>3.000.000</b>	<b>5.981.000</b>

### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	27.386.710.275	52.969.460.927
Các khoản điều chỉnh tăng	199.889.205	319.822.727
- <i>Chênh lệch khấu hao giữa CP Kế toán và CP thuế</i>	199.889.205	319.822.727
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	27.586.599.479	53.289.283.654
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.517.319.896</b>	<b>10.657.856.731</b>

### 11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.869.390.379	42.311.604.196
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	546.734.759	1.057.790.105
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	546.734.759	1.057.790.105
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.322.655.620	41.253.814.091
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.000.000	9.263.240
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.422</b>	<b>4.453</b>

(\*) Số liệu kỳ này được tạm tính bằng 2,5% lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 (theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt).

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.000.000	9.263.240
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>15.000.000</b>	<b>9.263.240</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 295 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

**A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập từ tiền lương	606.630.000	568.524.000
Thu nhập từ tiền phụ cấp	137.970.000	132.837.000
	<u>744.600.000</u>	<u>568.524.000</u>

**B, Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	Cổ đông lớn

Chi tiết phát sinh với Bên liên quan trong năm như sau

<u>Giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
Trả tiền cho người bán	3.491.943.750

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.14; V.18a.

#### 2. Thông tin về bộ phận

**A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh Kinh doanh vật liệu xây dựng : sản xuất, buôn bán gạch, ngói, xi măng...
- + Lĩnh vực Bất động sản: Xây dựng, tư vấn và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ**

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	242.322.113.008	3.245.421.899	245.567.534.907
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>cung cấp dịch vụ</b>	<u>242.322.113.008</u>	<u>3.245.421.899</u>	<u>245.567.534.907</u>
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	196.935.950.939	599.950.080	197.535.901.019
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	45.386.162.069	2.645.471.819	48.031.633.888
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			18.564.834.177
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			29.466.799.711
Doanh thu hoạt động tài chính			8.013.882
Chi phí tài chính			3.648.756.874
Thu nhập khác			1.563.653.556
Chi phí khác			3.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			5.517.319.896
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<u>21.869.390.379</u>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>43.275.394.166</b>	<b>-</b>	<b>43.275.394.166</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>17.300.297.584</b>	<b>231.703.017</b>	<b>17.532.000.601</b>
	<b>Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	380.212.737.253	397.496.566.942	777.709.304.195
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			27.930.784.096
<b>Tổng tài sản</b>			<u><b>805.640.088.291</b></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	203.555.064.404	2.726.214.523	206.281.278.927
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	217.922.497.655
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<u><b>424.203.776.582</b></u>

**B. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.079.267.397	77.407.138.836	18.079.267.397	77.407.138.836
Chứng khoán kinh	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000
Phải thu khách hàng	89.065.008.460	105.686.119.626	89.065.008.460	105.686.119.626
Các khoản phải thu khác	32.706.402.871	27.115.104.152	32.706.402.871	27.115.104.152
	<b>140.850.678.728</b>	<b>210.708.362.614</b>	<b>140.850.678.728</b>	<b>210.708.362.614</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	121.550.478.198	165.437.992.017	121.550.478.198	165.437.992.017
Phải trả người bán	85.778.819.183	95.342.681.881	85.778.819.183	95.342.681.881
Các khoản phải trả khác	79.211.811.155	86.302.020.652	79.211.811.155	86.302.020.652
	<b>286.541.108.536</b>	<b>347.082.694.550</b>	<b>286.541.108.536</b>	<b>347.082.694.550</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính cổ khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	121.550.478.198	-	-	121.550.478.198
Phải trả người bán	85.778.819.183	-	-	85.778.819.183
Các khoản phải trả khác	46.869.174.401	32.342.636.754	-	79.211.811.155
	<u>254.198.471.782</u>	<u>32.342.636.754</u>	-	<u>286.541.108.536</u>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	158.787.898.267	6.650.093.750	-	165.437.992.017
Phải trả người bán	95.342.681.881	-	-	95.342.681.881
Các khoản phải trả khác	55.016.513.998	31.285.506.654	-	86.302.020.652
	<u>309.147.094.146</u>	<u>37.935.600.404</u>	-	<u>347.082.694.550</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được soát xét.

Người lập biểu

Đoàn Quang Lê

Kế toán trưởng

Đoàn Quang Lê

Lập ngày 27 tháng 08 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Bá Hoan